

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1527/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung

2. Ông Võ Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 612/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1209/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 2888/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc Như Y, sinh năm 1990, CCCD 079190008546

Địa chỉ: 3, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1990, CCCD 079090000865

Địa chỉ:, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Bùi Ngọc Như Y có đơn xin vắng mặt tại tòa, ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, bà Bùi Ngọc Như Y (nguyên đơn) trình bày:

Bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025, nay bà Ý yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Bà Ý và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020. Hiện 02 trẻ đang sống chung với ông T. Ông T có điều kiện chăm sóc 02 trẻ rất tốt. Ông T gây khó khăn cho bà dẫn trẻ lên Tòa để ghi nhận ý kiến trẻ, do đó bà Ý không thể dẫn trẻ lên Tòa để ghi nhận ý kiến trẻ. Bà Ý đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, bà Ý đồng ý giao 02 trẻ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Ý không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 -Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận bà Bùi Ngọc Như Y được ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020. Giao trẻ Đ và trẻ T cho ông T nuôi dưỡng, bà Ý không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Ngọc Như Y nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Minh T. Ông T cư trú tại phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2023, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ý xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[3] Tại phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Như Y xác nhận bà và ông T đã có thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan T với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020. Hiện cả 02 trẻ đang sống chung với ông T. Sau khi ly hôn, bà Ý đồng ý giao cả 02 trẻ Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày: 07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tòa án đã có Thông báo về việc thực hiện thủ tục ghi nhận ý kiến trẻ (con chung trong vụ án ly hôn) gửi cho bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T với nội dung đề nghị bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T thực hiện việc dẫn trẻ Nguyễn Đ, sinh ngày: 07/02/2015 đến Tòa án để Tòa án ghi nhận ý kiến của trẻ về việc trẻ muốn được ở với ba hay với mẹ trong trường hợp cha mẹ không còn chung sống với nhau nữa. Tuy nhiên, vào thời gian được ấn định và trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T không dẫn trẻ Nguyễn Đ đến Tòa án để Tòa án ghi nhận ý kiến. Xét hiện tại, ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ 02 trẻ, các trẻ phát triển tốt. Để tạo điều kiện và đảm bảo sự ổn định về mặt T lý, tình cảm của các trẻ, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nguyễn Đ, sinh ngày: 07/02/2015 và Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà Ý.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[10] Về án phí: Bà Bùi Ngọc Như Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Ngọc Như Y với ông Nguyễn Minh T.

Bà Bùi Ngọc Như Y được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/02/2023 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung tên Nguyễn Đ, sinh ngày:07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020. Giao trẻ Nguyễn Đ, sinh ngày:07/02/2015; Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày: 25/12/2020 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Y.

Bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Bùi Ngọc Như Y và ông Nguyễn Minh T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Ngọc Như Y chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Bùi Ngọc Như Y đã nộp theo biên lai thu số 0028958 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Ngọc Như Y đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan